

QUỐC HỘI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghị quyết số: 131/2020/QH14

NGHỊ QUYẾT**Tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh****QUỐC HỘI**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14;

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Chính quyền địa phương ở Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thành phố) là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Chính quyền địa phương ở quận tại Thành phố là Ủy ban nhân dân quận.

Ủy ban nhân dân quận là cơ quan hành chính nhà nước ở quận, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Chính quyền địa phương ở phường tại Thành phố là Ủy ban nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước ở phường, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này, theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố

thuộc Thành phố và theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố.

4. Việc tổ chức chính quyền địa phương ở huyện, thành phố, xã, thị trấn của Thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, trong đó bao gồm dự toán ngân sách của quận; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

b) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố trên địa bàn quận, phường thuộc quận; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thuộc quận, Tòa án nhân dân quận, Viện kiểm sát nhân dân quận;

c) Lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức; trường hợp có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Hội đồng nhân dân Thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận được thực hiện theo quy định của Quốc hội;

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chánh án Tòa án nhân dân quận, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân

dân quận. Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét việc trả lời chất vấn của người bị chất vấn;

đ) Bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân quận theo giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân quận theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố. Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố có 01 Ủy viên hoạt động chuyên trách.

Điều 3. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của Thành phố, quyết định giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Ủy ban nhân dân quận. Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ủy ban nhân dân quận;

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại hoặc giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

d) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các quận trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

b) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân quận và nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Ủy ban nhân dân quận làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận là người đứng đầu Ủy ban nhân dân quận, lãnh đạo và điều hành hoạt động của Ủy ban nhân dân quận. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; ký văn bản của Ủy ban nhân dân quận.

4. Ủy ban nhân dân quận có không quá 03 Phó Chủ tịch. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận vắng mặt, 01 Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân quận.

5. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận được Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập, tổ chức lại, giải thể theo quy định của Chính phủ, phù hợp với tình hình thực tiễn của công tác quản lý nhà nước tại đô thị trên địa bàn Thành phố.

Cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận được thành lập, tổ chức lại, giải thể theo quy định của Chính phủ và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; phân bổ dự toán ngân sách, điều chỉnh dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách của phường trực thuộc.

2. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách quận, phường trực thuộc theo quy định của Luật

Đầu tư công; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp huyện; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý; phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc; quyết định giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

3. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận phù hợp với hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các văn bản khác có liên quan.

4. Chịu trách nhiệm về hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ quận đến cơ sở, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính; thực hiện công tác cải cách hành chính và cải cách công vụ, công chức ở địa phương.

5. Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

6. Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, quản lý dân cư.

7. Quản lý và tổ chức sử dụng công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước được giao theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

10. Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân phường; ủy quyền cho cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật.

11. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao và thực hiện phân cấp theo quy định tại khoản 10 Điều này. Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

12. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật mà không trái với quy định của Nghị quyết này.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố

Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, trong đó bao gồm dự toán ngân sách của phường trực thuộc; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

2. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách phường trực thuộc theo quy định của Luật Đầu tư công; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý; phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc;

3. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố trên địa bàn phường trực

thuộc; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

Điều 7. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố

1. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân;

b) Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm, quyết định giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Ủy ban nhân dân phường trực thuộc;

c) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các phường trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc;

b) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường trực thuộc theo quy định của pháp luật;

c) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

Điều 8. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân phường và nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân phường gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các công chức khác của Ủy ban nhân dân phường. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thuộc biên chế công chức của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, được tuyển dụng, sử dụng, quản lý theo quy định đối với công chức.

2. Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, lãnh đạo và điều hành hoạt động của Ủy ban nhân dân phường. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận hoặc trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường theo quy định của Chính phủ và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên; ký văn bản của Ủy ban nhân dân phường.

4. Ủy ban nhân dân phường có không quá 02 Phó Chủ tịch. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường vắng mặt, 01 Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân phường.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận hoặc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước với Ủy ban nhân dân quận hoặc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp xã; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý.

3. Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

4. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

6. Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên tại địa bàn phường.

7. Ủy ban nhân dân phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật mà không trái với quy định của Nghị quyết này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Việc tổ chức chính quyền đô thị quy định tại Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

3. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội được ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này.

4. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố theo quy định tại Nghị quyết này;

b) Quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; về chức danh Ủy viên hoạt động chuyên trách tại Ban thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; thể thức, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận; việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức ở quận, phường;

c) Quy định chi tiết công tác lập, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Nghị quyết này; việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn quận, phường;

d) Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố thuộc Thành phố;

đ) Định kỳ 03 năm kể từ khi Nghị quyết này được Quốc hội thông qua, báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện Nghị quyết.

5. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Ban hành các quy định cần thiết để triển khai thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố theo quy định của Nghị quyết này và hướng dẫn của Chính phủ; thực hiện phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương ở quận, thành phố thuộc Thành phố và phường phù hợp với yêu cầu quản lý đô thị và khả năng thực tiễn của từng địa phương;

c) Chỉ đạo, thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức làm việc ở quận, phường theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của cơ quan có thẩm quyền; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức thuộc diện dôi dư do sắp xếp khi thực hiện Nghị quyết này theo quy định, hướng dẫn của Chính phủ;

d) Đề xuất và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi hoặc bổ sung các chính sách cần thiết khác trong quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, phường nhiệm kỳ 2016 - 2021 kết thúc nhiệm vụ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

2. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp chưa bổ nhiệm được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này cho đến khi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường mới được bổ nhiệm.

Văn bản của chính quyền địa phương ở quận, phường được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền thay thế hoặc bãi bỏ thì vẫn được áp dụng.

3. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, công chức cấp xã ở phường được bầu hoặc tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được chuyển thành công chức làm việc tại phường đang công tác; trường hợp chuyển sang vị trí việc làm mới thì công chức phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn phù hợp với vị trí việc làm đó theo quy định của Chính phủ.

4. Việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp xã quy định tại các điểm a, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều 61 của Luật Cán bộ, công chức công tác ở các phường tại Thành phố vẫn thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2020.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân